TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 4– 2022.
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương.

2. Bà Phạm Thị Thu Yến.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Cảnh Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 599/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1) Nguyên đơn: Bà Phan Thị Yến N, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố B, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai – Là người đại diện theo ủy quyền đối với tranh chấp về nuôi con (Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021). Có mặt.

2) Bị đơn: Ông Dương Sau V, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố B, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2021, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị Yến N trình bày:

Bà N và ông Dương Sau V quen biết nhau từ năm 2017, sau thời gian tìm hiểu bà N và ông V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40/2017 ngày 26/5/2017.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Nguyên nhân do ông Dương Sau V ham mê bài bạc, cá độ dẫn đến nợ nần, không hỗ trợ bà N về kinh tế cũng như chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cái. Bà N và ông V đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhưng không tìm lại được tiếng nói chung, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, không hạnh phúc. Sau đó ông V bỏ đi nơi khác sinh sống từ năm 2019 đến năm 2021, trong thời gian bỏ đi ông V không gửi tiền phụ bà N chăm sóc con, không lo lắng cho cuộc sống gia đình. Đầu năm 2022, ông V về nhà sống nhưng bà N xác định không còn tình cảm với ông V nữa nên dọn ra ngoài sinh sống, không còn quan tâm đến cuộc sống của ông V. Mâu thuẫn vợ chồng bà N không được chính quyền địa phương hay khu phố hòa giải vì bà N và ông V không yêu cầu. Hiện tại, bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Dương Sau V, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Dương Sau V.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông V có 01 con chung tên Dương Gia T, sinh ngày 27/01/2018. Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà N làm công nhân, có ký hợp đồng lao động với công ty nên công việc ổn định, làm giờ hành chính, ngày tăng ca cũng chỉ làm thêm hai tiếng là được về nhà, tổng thu nhập của bà N mỗi tháng trung bình là 10.000.000 đồng nên đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, thời gian làm tăng ca có bà ngoại phụ chăm sóc cháu T.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tài liệu, chứng cứ về nhân thân, nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn, giấy chứng nhận kết hôn số 40/2017 ngày 26/5/2017, trích lục khai sinh con chung Dương Gia T, hợp đồng lao động ngày 01/9/2019, phục lục hợp đồng lao động ngày 01/02/2022, sao kê tài khoản ngân hàng số tài khoản 050050071380.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (đối với tranh chấp nuôi con), bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Thống nhất toàn bộ ý kiến của bà N về con chung, bà Ánh xác định cháu T còn nhỏ, từ lúc sinh ra đến nay vẫn được bà N nuôi dưỡng tốt, bà N có công việc ổn định, có nhiều thời gian chăm sóc cháu T. Mặt khác, cháu T hiện nay mới 4 tuổi, còn rất nhỏ, chưa thể tự chăm sóc bản thân nên rất cần sự chăm sóc, quan tâm của mẹ cháu, việc giao cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ đảm bảo cho sự phát triển về sức khỏe, tâm lý và sự an toàn cho cháu. Ngược lại, theo nội dung bà N trình bày và ông V cũng đã thừa nhận trong thời gian bỏ đi hai năm ông V không quan tâm, chăm

sóc cháu T, không gửi tiền phụ bà N nuôi con, điều này thể hiện việc ông V thiếu trách nhiệm với con, không có sự quan tâm, chăm sóc. Do đó, yêu cầu Tòa án cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Dương Gia T, sinh ngày 27/01/2018. Bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản tự khai ngày 16/3/2022, các lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn ông Dương Sau V trình bày:

Ông V thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn, về thời gian chung sống, thời gian sống riêng từ năm 2019 đến nay.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn ông V và bà N chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, ông V có nợ nần trong việc làm ăn từ đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân của ông V và bà N không hạnh phúc. Ông V và bà N có xảy ra cãi nhau, chủ yếu là liên quan đến vấn đề tài chính trong gia đình. Năm 2019, do hai vợ chồng mâu thuẫn và do ông V nợ nần nhiều nên ông V chuyển ra ngoài ở trọ đến đầu năm 2022 trở về nhà thì bà N bỏ ra ngoài ở nên hai vợ chồng sống riêng nhau từ năm 2019 đến nay, thời gian ông V ở ngoài không gửi tiền về phụ bà N chăm sóc con. Hiện tại bà N không còn quan tâm đến cuộc sống của ông V, đồng thời ông V cũng không qua lại với bà N, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Thời gian sống riêng, ông V gọi điện cho bà N nhưng không được vì bà N không bắt máy và chặn số. Mâu thuẫn vợ ông V và bà N không được chính quyền địa phương hay khu phố hòa giải vì không yêu cầu.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông V xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà N, mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng đó là mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng nào cũng có, không phải là mâu thuẫn trầm trọng. Do đó, ông V không đồng ý ly hôn với bà N, mong bà N suy nghĩ lại để vợ chồng có cơ hội quay về đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con chung.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông V có 01 người con chung tên Dương Gia T, sinh ngày 27/01/2018. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, ông V đang làm công nhân của một công ty in tại T, T, lương mỗi tháng 12.000.000đồng, làm giờ hành chính, hiện chưa ký hợp đồng lao động vì đang trong thời gian thử việc.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông V không có ý kiến trình bày nào khác và không có yêu cầu phản tố. Do bận công việc nên ông V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Dương Sau V và bà Phan Thị Yến N đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân cho bà N được ly hôn với ông V; về con chung: Giao con chung tên Dương Gia T, sinh ngày 27/01/2018 cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ khu phố B, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Phan Thị Yến N và bị đơn ông Dương Sau V đã có bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Yến N và ông Dương Sau V chung sống với nhau từ năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40/2017 ngày 26/5/2017 nên quan hệ hôn nhân của bà N và ông V là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, bà N và ông V đều xác định trong cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà N xác định nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông V ham mê bài bạc, cá độ dẫn đến nợ nần, không hỗ trợ bà N về kinh tế cũng như chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cái, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông V, bà N cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà N và ông V đã sống riêng từ năm 2019 đến nay, cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, bà N xác định không còn tình cảm với ông V, không muốn đoàn tụ để chung sống hạnh phúc với ông V nữa.

Ông V xác định có mâu thuẫn vợ chồng với bà N, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do quan điểm sống bất đồng, cả hai có cãi nhau một số vấn đề về nợ nần trong việc làm ăn kinh tế. Do mâu thuẫn ông V bỏ ra ngoài sinh sống nên cả hai không còn sống chung từ năm 2019 đến nay. Tuy nhiên, ông V xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà N nên không đồng ý ly hôn với bà N và mong bà N suy nghĩ lại, quay về chung sống hạnh phúc.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Yến N và ông Dương Sau V không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Cả ông V và bà N xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và đã kéo dài. Bà N và ông V đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau. Bà N xác định tình cảm vợ chồng với ông V không còn, đời sống chung không có hạnh phúc. Ông V xác định còn tình cảm với bà N và không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian vợ chồng còn chung sống đã không cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, khi vợ chồng có mâu thuẫn và khó khăn về kinh tế thì đã không có sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, ông V là người chủ động bỏ ra ngoài sinh sống với thời gian dài, không cùng bà N xây dựng gia đình hạnh phúc và hỗ trợ nhau khi khó khăn, không phụ bà N nuôi dưỡng, chăm sóc con nhỏ. Mặt khác, trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử ông V cũng không có biện pháp gì tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng bà N và ông V đã trầm trọng, tiếp tục đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N yêu cầu được ly hôn với ông V là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông V có 01 con chung tên Dương Gia T, sinh ngày 27/01/2018. Đối với yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ lúc vợ chồng bà N và ông V không sống chung thì bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, bà N nuôi dưỡng cháu T tốt. Mặt khác, hiện nay bà N làm công nhân, có ký hợp đồng lao động với công ty nên công việc của bà N ổn định, làm giờ hành chính, thời gian tăng ca không nhiều, thời gian tăng ca có sắp xếp người thân hỗ trợ chăm sóc cháu T, tổng thu nhập của bà N mỗi tháng trung bình là 10.000.000 đồng, do đó bà N đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Mặt khác, hiện nay cháu T còn nhỏ (mới 4 tuổi), chưa thể tự chăm sóc bản thân nên rất cần sự chăm sóc, quan tâm của người mẹ, việc giao cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt cho cháu. Do đó, yêu cầu của bà N là phù hợp và có căn cứ chấp nhận, cần giao con chung cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ý kiến của ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi con là không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ trong thời gian bà N và ông V mâu thuẫn, sống riêng thì ông V không có sự thăm nom, quan tâm, chăm sóc con chung, không gửi tiền phụ giúp bà N nuôi dưỡng

con. Về điều kiện kinh tế, hiện nay ông V đang làm công nhân nhưng đang trong thời gian thử việc, chưa ký hợp đồng lao động nên công việc chưa ổn định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà N.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Yến N.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị Yến N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Yến N đối với bị đơn ông Dương Sau V về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Yến N được ly hôn với ông Dương Sau V.

- Về con chung: Giao con chung tên Dương Gia T, sinh ngày 27/01/2018 cho bà Phan Thị Yến N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Yến N không yêu cầu ông Dương Sau V cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Yến Nhi phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001894 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Ánh